

Tuần 5.

Thứ tư ngày 11 tháng 09 năm 20.....

Ngày soạn: 06.09.20.....

Toán

Tiết 23 :

Luyện tập

I. Mục tiêu:

Giúp HS củng cố về:

- Biết tính diện tích một hình qui về tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông
- Biết cách giải bài toán với các số đo độ dài, khối lượng

II. Chuẩn bị:

Hình vẽ bài tập 3 vẽ sẵn trên bảng lớp.

III. Các hoạt động dạy - học:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Kiểm tra bài cũ	
<p>- Kiểm tra bài cũ: Điền số thích hợp vào chỗ chấm</p> <p>a) 4kg 5g = g 6 tấn 2 tạ = yến 5hg 7dag = g</p> <p>b) 4576g = kgg 1943kg = tấnkg 6453g = ...kg...hg...dagg</p> <p>- GV nhận xét và cho điểm HS.</p>	<p>- 2 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi và nhận xét.</p>
Dạy – học bài mới	
<p>2.1. Giới thiệu bài: Vừa rồi, chúng ta đã ôn về bảng đơn vị đo khối lượng. Tiết học hôm nay, chúng ta sẽ “<i>Luyện tập</i>” về giải toán với các đơn vị đo.</p>	<p>- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.</p>
2.2. Hướng dẫn luyện tập	
Bài 1	
<p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài trước lớp. - GV yêu cầu các HS khá tự làm bài, sau đó đi hướng dẫn các HS kém.</p>	<p>- 1 HS đọc đề bài thành tiếng trước lớp. - 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p>
<i>Bài giải</i>	
Cả hai trường thu được là:	
1 tấn 300kg + 2 tấn 700kg = 3 tấn 1000kg (giấy)	
3 tấn 1000kg = 4 tấn	
4 tấn gấp 2 tấn số lần là:	
4 : 2 = 2 (lần)	

	Số quyền vở sản xuất được là: $50000 \times 2 = 100000$ (quyển) <i>Đáp số:</i> 100000 quyển vở
<ul style="list-style-type: none"> - GV chữa bài của HS trên bảng lớp, sau đó nhận xét và cho điểm HS. Bài 3 - GV cho HS quan sát hình và hỏi: Mảnh đất được tạo bởi các mảnh có kích thước, hình dạng như thế nào? - GV: Hãy so sánh diện tích của mảnh đất với tổng diện tích của hai hình đó. - GV yêu cầu HS làm bài. - GV nhận xét và cho điểm HS. <p style="text-align: center;">Củng cố – Dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổng kết tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau: Đề-ca-mét vuông. Héc-tô-mét vuông./. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mảnh đất được tạo bởi hai hình: + Hình chữ nhật ABCD có chiều rộng 6m, chiều dài 14m. + Hình vuông CEMN có cạnh dài 7m. - Diện tích mảnh đất bằng tổng diện tích của hai hình. - HS cả lớp làm bài vào vở bài tập. Sau đó 1 HS đọc bài chữa trước lớp.

Tuần 5.**Thứ năm ngày 12 tháng 09 năm 20....**

Ngày soạn: 06.09.20....

Toán**Tiết 24 : Đề- ca- mét vuông. Héc-tô-mét vuông****I. Mục tiêu:**

- Biết tên gọi, kí hiệu và quan hệ của các đơn vị đo diện tích: đề- ca- mét vuông, héc- tô- mét vuông
- Biết đọc, viết các số đo diện tích theo đơn vị đề- ca- mét vuông , héc tô- mét vuông.
- Biết mối quan hệ giữa đề- ca- mét vuông với mét vuông; đề- ca- mét vuông với héc tô- mét vuông.
- Biết chuyển đổi số đo diện tích (trường hợp đơn giản)

II. Chuẩn bị :

Chuẩn bị trước hình vẽ biểu diễn hình vuông có cạnh dài 1dam, 1hm (thu nhỏ) như trong SGK.

III. Các hoạt động dạy - học:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Kiểm tra bài cũ	
<p>- Kiểm tra bài cũ: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài gấp 4 lần chiều rộng và hơn chiều rộng 15m. Tính chu vi và diện tích mảnh vườn đó. - GV nhận xét và cho điểm HS.</p>	<p>- 1 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi và nhận xét.</p>
Dạy – học bài mới	
<p>2.1. Giới thiệu bài: Hôm nay, chúng ta sẽ được học 2 đơn vị đo diện tích mới. Đó là đề-ca-mét vuông và héc-tô-mét vuông.</p>	<p>- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.</p>
<p>2.2. Giới thiệu đơn vị đo diện tích đề-ca-mét vuông</p>	
<p>a) Hình thành biểu tượng về đề-ca-mét vuông</p>	
<p>- GV treo lên bảng hình biểu diễn của hình vuông có cạnh 1dam như SGK (chưa chia thành các ô vuông nhỏ).</p>	<p>- HS quan sát hình.</p>
<p>- GV nêu: Hình vuông có cạnh dài 1dam, em hãy tính diện tích của hình vuông.</p>	<p>- HS tính: $1\text{dam} \times 1\text{dam} = 1\text{dam}^2$ (HS có thể chưa ghi được đơn vị dam^2).</p>
<p>- GV giới thiệu $1\text{dam} \times 1\text{dam} = 1\text{dam}^2$, đề-ca-mét vuông chính là diện tích của hình vuông có cạnh dài là 1dam.</p>	<p>- HS nghe GV giảng bài.</p>
<p>- GV giới thiệu tiếp: đề-ca-mét vuông viết tắt là dam^2, đọc là đề-ca-mét vuông.</p>	<p>- HS viết: dam^2 HS đọc: đề-ca-mét vuông.</p>
<p>b) Tìm mối quan hệ giữa đề-ca-mét vuông và mét vuông</p>	
<p>- GV hỏi: 1dam bằng bao nhiêu mét.</p>	<p>- HS nêu: $1\text{dam} = 10\text{m}$.</p>
<p>- GV yêu cầu: Hãy chia cạnh hình vuông 1dam thành 10 phần bằng nhau, sau đó nối các điểm để tạo thành các hình vuông nhỏ.</p>	<p>- HS thực hiện thao tác chia hình vuông cạnh 1dam thành 100 hình vuông nhỏ cạnh 1m.</p>
<p>- GV hỏi: Mỗi hình vuông nhỏ có cạnh dài bao nhiêu mét?</p>	<p>- HS: Mỗi hình vuông nhỏ có cạnh dài 1.</p>
<p>+ Chia hình vuông lớn có cạnh dài 1dam thành các hình vuông nhỏ?</p>	<p>+ Được tất cả $10 \times 10 = 100$ (hình)</p>
<p>+ Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là</p>	<p>+ Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là</p>

bao nhiêu mét vuông?

+ 100 hình vuông nhỏ có diện tích là bao nhiêu mét vuông?

+ Vậy 1dam^2 bằng bao nhiêu mét vuông?

+ Đề-ca-mét vuông gấp bao nhiêu lần mét vuông?

2.3. Giới thiệu đơn vị đo diện tích héc-tô-mét vuông

- GV hướng dẫn tương tự như đề-ca-mét vuông.

2.4. Luyện tập – Thực hành

Bài 1

- GV cho HS làm miệng bằng trò chơi “truyền điện”

Bài 2

- GV đọc các số đo diện tích cho HS viết vào bảng con.

Bài 3

- Cho HS làm vào vở.

- Chấm chữa chung cả lớp.

Củng cố – Dặn dò

- GV tổng kết tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau: **Mi-li-mét vuông – Bảng đơn vị đo diện tích.**

1m^2 .

+ 100 hình vuông nhỏ có diện tích là $1 \times 100 = 100 (\text{m}^2)$

+ $1\text{dam}^2 = 100\text{m}^2$

HS viết và đọc: $1\text{dam}^2 = 100\text{m}^2$

+ Đề-ca-mét vuông gấp 100 lần mét vuông.

- HS quan sát.

- 1 HS lên bảng làm – cả lớp làm vào vở.

Tuần 5.**Thứ sáu ngày 13 tháng 09 năm 20....**

Ngày soạn: 06.09.20....

Toán**Tiết 25 : Mi-li-mét vuông - bảng đơn vị đo diện tích****I. Mục tiêu**

- Biết tên gọi, kí hiệu, độ lớn của mi-li-mét vuông. Quan hệ giữa mi-li-mét vuông và xăng-ti-mét vuông.

- Biết tên gọi, kí hiệu và mối quan hệ của các đơn vị đo diện tích trong bảng đơn vị đo diện tích

II. Chuẩn bị :

- Hình vẽ biểu diễn hình vuông có cạnh dài 1cm như trong phần a) của SGK.

- Bảng kẻ sẵn các cột như phần b) SGK nhưng chưa viết chữ và số.

III. Các hoạt động dạy- học:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Kiểm tra bài cũ	
<p>- Kiểm tra bài cũ:</p> <p>1) Đổi ra dam^2 5dam^2 45m^2 7dam^2 72m^2 21dam^2 36m^2</p> <p>2) Đổi ra hm^2 5hm^2 42dam^2 42hm^2 624m^2 15hm^2 72dam^2</p> <p>- GV nhận xét và cho điểm HS.</p>	<p>- 2 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi và nhận xét.</p>
Dạy – học bài mới	
<p>2.1. Giới thiệu bài: Hôm nay, cô cùng các em sẽ học đơn vị đo diện tích mi-li-mét vuông. Sau đó tìm hiểu bảng đơn vị đo diện tích.</p>	<p>- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.</p>
<p>2.2. Giới thiệu đơn vị đo diện tích mi-li-mét vuông</p> <p>a) Hình thành biểu tượng về mi-li-mét vuông</p> <p>- GV yêu cầu: Hãy nêu các đơn vị đo diện tích mà các em đã được học.</p> <p>- GV treo hình vuông minh họa như</p>	<p>- HS nêu các đơn vị: cm^2, dm^2, m^2, dam^2, hm^2, km^2.</p> <p>- HS tính và nêu: diện tích của hình</p>

<p>SGK. Sau đó yêu cầu: hãy tính diện tích của hình vuông có cạnh dài 1mm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: Dựa vào các đơn vị đo đã học, em hãy cho biết mi-li-mét vuông là gì? - Dựa vào cách kí hiệu của các đơn vị đo diện tích đã học em hãy nêu cách kí hiệu của mi-li-mét vuông. <p>b) Tìm mối quan hệ giữa mi-li-mét vuông và xăng-ti-mét vuông</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát tiếp hình minh họa, sau đó yêu cầu HS tính diện tích của hình vuông có cạnh dài 1cm. - GV hỏi: Diện tích của hình vuông có cạnh dài 1cm gấp bao nhiêu lần diện tích của hình vuông có cạnh dài 1mm? - Vậy 1cm^2 bằng bao nhiêu mm^2 - Vậy 1mm^2 bằng bao nhiêu phần của cm^2? <p>2.3. Bảng đơn vị đo diện tích</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV treo bảng phụ kẻ sẵn các cột như phần b) SGK. - GV nêu yêu cầu: Em hãy nêu các đơn vị đo diện tích từ bé đến lớn. - GV thống nhất thứ tự các đơn vị đo diện tích từ đến lớn với cả lớp, sau đó viết vào bảng đơn vị đo diện tích. - GV hỏi: 1 mét vuông bằng bao nhiêu đề-xi-mét vuông? - GV hỏi tiếp: 1 mét vuông bằng mấy phần đề-ca-mét-vuông? - GV viết vào cột mét: $1\text{m}^2 = 100\text{dm}^2 = \frac{1}{100} \text{dam}^2$ <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm tương tự với các cột khác. <ul style="list-style-type: none"> + Mỗi đơn vị diện tích gấp bao nhiêu lần đơn vị bé hơn tiếp liền với nó? + Mỗi đơn vị đo diện tích bằng bao nhiêu phần đơn vị lớn hơn liền nó? <ul style="list-style-type: none"> - Vậy hai đơn vị đo diện tích tiếp liền nhau thì hơn, kém nhau bao nhiêu lần? 	<p>vuông có cạnh 1mm là: $1\text{mm} \times 1\text{mm} = 1\text{mm}^2$</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu: Mi-li-mét vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài là 1mm. - HS nêu: mm^2. <ul style="list-style-type: none"> - HS tính và nêu: $1\text{cm} \times 1\text{cm} = 1\text{cm}^2$ - HS nêu: Diện tích của hình vuông có cạnh dài 1cm gấp 100 lần diện tích của hình vuông có cạnh dài 1mm. - HS nêu: $1\text{cm}^2 = 100\text{mm}^2$ - HS nêu: $1\text{mm}^2 = \frac{1}{100} \text{cm}^2$ <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS nêu trước lớp, HS cả lớp theo dõi và bổ sung ý kiến. - HS đọc lại các đơn vị đo diện tích theo đúng thứ tự. <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu: $1\text{m}^2 = 100\text{dam}^2$ - HS nêu: $1\text{m}^2 = \frac{1}{100} \text{dam}^2$ <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS lên bảng điền tiếp các thông tin để hoàn thành bảng đơn vị đo diện tích. Các HS khác làm vào vở. + HS: Mỗi đơn vị diện tích gấp 100 lần đơn vị bé hơn tiếp liền nó. + Mỗi đơn vị đo diện tích bằng $\frac{1}{100}$ đơn vị lớn hơn tiếp liền nó. - Hai đơn vị đo diện tích tiếp liền nhau thì hơn, kém nhau 100 lần.
--	---

2.4. Luyện tập – Thực hành**Bài 1**

Bài 1a) GV cho HS làm miệng.

Bài 1b) GV cho HS làm trên bảng con.

Bài 2

Bài 2a) Cho HS làm miệng bằng hình thức trò chơi truyền điện.

Bài 3

- GV yêu cầu HS tự làm bài.

$$1\text{mm}^2 = \frac{1}{100} \text{cm}^2$$

$$8\text{mm}^2 = \frac{8}{100} \text{cm}^2$$

$$29\text{mm}^2 = \frac{29}{100} \text{cm}^2$$

- GV gọi HS chữa bài của bạn trên bảng lớp, sau đó nhận xét và cho điểm HS.

Củng cố - Dặn dò

- GV tổng kết tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau: **Luyện tập**./.

- 2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.

$$1\text{dm}^2 = \frac{1}{100} \text{m}^2$$

$$7\text{dm}^2 = \frac{7}{100} \text{m}^2$$

$$34\text{dm}^2 = \frac{34}{100} \text{m}^2$$

Tuần 6.

Thứ hai ngày 16 tháng 09 năm 20.....

Ngày soạn: 06.09.20.....

Toán

Tiết 26 :

Luyện tập

I. Mục tiêu :

- Biết tên gọi, kí hiệu và mối quan hệ của đơn vị đo diện tích
- Biết chuyển đổi các đơn vị đo diện tích, so sánh các số đo diện tích và giải bài toán có liên quan

II. Chuẩn bị :

GV : Bảng nhóm.; HS : Bảng con.

III. Các hoạt động dạy - học:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Kiểm tra bài cũ	
<p>- Kiểm tra bài cũ: Viết số thích hợp vào chỗ trống: $4\text{dam}^2 5\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$ $32\text{hm}^2 6\text{dam}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2$ $7\text{m}^2 54\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$</p> <p>- GV nhận xét và cho điểm HS.</p> <p style="text-align: center;">Dạy – học bài mới</p> <p>2.1. Giới thiệu bài: Hôm nay, cả lớp cùng luyện tập về đơn vị đo diện tích bằng các bài tập đổi các số đo diện tích, so sánh và giải các bài toán có liên quan đến đơn vị đo diện tích.</p> <p>2.2. Hướng dẫn luyện tập</p> <p>Bài 1</p> <p>- GV viết lên bảng phép đổi mẫu: $6\text{m}^2 35\text{dm}^2 = \dots \text{m}^2$ và yêu cầu HS tìm cách đổi.</p> <p>- GV cho HS làm vào vở.</p>	<p>- HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi và nhận xét.</p> <p>- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.</p> <p>- HS trao đổi với nhau và nêu trước lớp cách đổi:</p> $6\text{m}^2 35\text{dm}^2 = 6\text{m}^2 + \frac{35}{100}\text{m}^2 = 6\frac{35}{100}\text{m}^2$
<p>- GV chữa bài của HS trên bảng lớp, sau đó nhận xét và cho điểm HS.</p> <p>Bài 2</p> <p>- GV cho HS tự làm bài.</p> <p>- GV: Đáp án nào là đáp án đúng? - GV yêu cầu HS giải thích vì sao đáp án B đúng.</p> <p>- GV nhận xét câu trả lời của HS.</p> <p>Bài 3</p> <p>- GV hỏi: Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì? - GV hỏi: Để so sánh các số đo diện tích, trước hết chúng ta phải làm gì? - GV yêu cầu HS làm bài.</p>	<p>- HS thực hiện phép đổi, sau đó chọn đáp án phù hợp. - HS: Đáp án B là đúng. - HS nêu: $3\text{cm}^2 5\text{mm}^2 = 300\text{mm}^2 + 5\text{mm}^2$ $= 305\text{mm}^2$ Vậy khoanh tròn vào B.</p> <p>- HS đọc đề bài và nêu: Bài tập yêu cầu chúng ta so sánh các số đo diện tích, sau đó viết dấu so sánh thích hợp vào chỗ chấm. - HS: Chúng ta phải đổi về cùng một đơn vị đo, sau đó mới so sánh. - 2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p>

Bài 4

- GV gọi HS đọc đề bài trước lớp.
- GV yêu cầu HS tự làm bài.

- 1 HS đọc đề bài toán trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK.
- 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.

Bài giải

Diện tích của một viên gạch là:

$$40 \times 40 = 1600 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Diện tích của căn phòng là:

$$1600 \times 150 = 240000 \text{ (cm}^2\text{)}$$

$$240000 \text{ cm}^2 = 24 \text{ m}^2$$

Đáp số: 24m²

- GV chữa bài cả cho điểm HS.

Củng cố – Dặn dò

- GV tổng kết tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau./.

Tuần 6.

Thứ ba ngày 17 tháng 09 năm 20.....

Ngày soạn: 06.09.20.....

Toán

Tiết 27 :

Héc-ta

I. Mục tiêu :

- Biết tên gọi, kí hiệu, độ lớn của đơn vị đo diện tích héc-ta.
- Biết mối quan hệ giữa héc-ta và mét vuông.
- Biết chuyển đổi các số đo diện tích trong quan hệ với héc-ta.

II. Chuẩn bị :

Bảng nhóm.

III. Các hoạt động dạy - học:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Kiểm tra bài cũ	
<p>- Kiểm tra bài cũ: Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:</p>	<p>- 2 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi và nhận xét.</p>

$7m^2\ 42dm^2 \dots 742dam^2$

$6500m^2 \dots 650dam^2$

$6m^2\ 57dm^2 \dots 7m^2$

$8hm^2\ 6m^2 \dots 8060m^2$

- GV nhận xét và cho điểm HS.

Dạy – học bài mới

2.1. Giới thiệu bài: Trong tiết học này, chúng ta sẽ tìm hiểu thêm một đơn vị đo diện tích thường gặp trong đời sống. Đó là héc-ta.

2.2. Giới thiệu đơn vị đo diện tích héc-ta

- GV giới thiệu:

+ Thông thường để đo diện tích của một thửa ruộng, một khu rừng, ao hồ,... người ta thường dùng đơn vị đo là héc-ta.

+ 1 héc-ta bằng 1 héc-tô-mét vuông mà kí hiệu là ha.

- GV hỏi: $1hm^2$ bằng bao nhiêu mét vuông?

- GV: Vậy 1héc-ta bằng bao nhiêu mét vuông?

2.3. Luyện tập – Thực hành

Bài 1

- GV yêu cầu HS tự làm bài, sau đó cho HS chữa bài.

- GV nhận xét đúng/sai, sau đó yêu cầu HS giải thích cách làm của một số câu.

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

Bài 2

- GV yêu cầu HS đọc đề bài và tự làm bài.

- GV gọi HS nêu kết quả trước lớp, sau đó nhận xét và cho điểm HS.

Củng cố – Dặn dò

- GV tổng kết tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau: **Luyện tập**.

- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.

- HS nghe và viết:

$1ha = 1hm^2$

- GV nêu: $1hm^2 = 10000m^2$

- HS nêu: $1ha = 10000m^2$

- 4 HS lên bảng làm bài, mỗi HS làm một cột của một phần.

- HS nêu rõ cách làm của một số phép đổi.

- 1 HS đọc đề bài trước lớp, sau đó HS cử lớp làm bài vào vở bài tập.

$22200ha = 222km^2$

Vậy diện tích rừng Cúc Phương là $222km^2$.

Tuần 6.

Thứ tư ngày 18 tháng 09 năm 20.....

Ngày soạn: 06.09.20.....

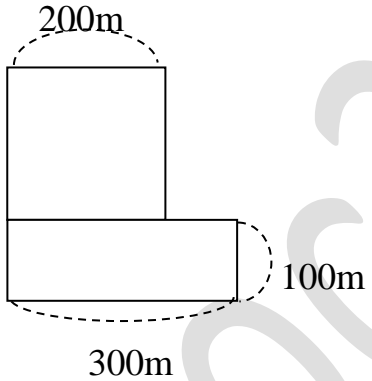
Toán**Tiết 28 :****Luyện tập****I. Mục tiêu:**

- Tên gọi, kí hiệu, độ lớn của đơn vị đo diện tích đã học.
- Vận dụng để chuyển đổi, so sánh các số đo diện tích.
- Giải các bài toán có liên quan đến số đo diện tích.

II. Chuẩn bị:

Bảng nhóm

III. Các hoạt động dạy - học:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p style="text-align: center;">Kiểm tra bài cũ</p> <p>- Kiểm tra bài cũ: Tính diện tích của khu đất được vẽ như hình vẽ theo đơn vị héc ta.</p>  <p style="text-align: center;">300m</p> <p>- GV nhận xét và cho điểm HS.</p>	<p>- 1 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi và nhận xét.</p>
<p style="text-align: center;">Dạy – học bài mới</p> <p>2.1. Giới thiệu bài: Hôm nay, cô cùng các em sẽ thực hiện bài luyện tập về số đo diện tích.</p> <p>2.2. Hướng dẫn luyện tập Bài 1</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài và tự làm bài.</p> <p>a) $5\text{ha} = 50000\text{m}^2$ b) $400\text{dm}^2 = 4\text{m}^2$ $2\text{km}^2 = 2000000\text{m}^2$ $1500\text{dm}^2 = 15\text{m}^2$ $70000\text{cm}^2 = 7\text{m}^2$</p> <p>- GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng.</p>	<p>- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.</p> <p>- 3 HS làm bài trên bảng, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p> <p>- 2 HS lần lượt nhận xét, HS cả lớp theo dõi và bổ sung ý kiến.</p>

Bài 2

- GV yêu cầu HS đọc đề bài và tự làm bài.
- GV chữa bài yêu cầu HS nêu cách làm bài.
- GV nhận xét và cho điểm HS.

Bài 3

- GV gọi HS đọc đề bài.
- GV yêu cầu HS khá tự làm bài, sau đó đi hướng dẫn HS kém.

- 2 HS lên bảng làm bài, mỗi HS làm 1 cột, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.
- Vậy điền dấu = , > , < vào ô trống.

- 1 HS đọc đề bài trước lớp, HS cả lớp đọc đề bài trong SGK.

Bài giải

Diện tích của căn phòng là:

$$6 \times 4 = 24 \text{ (m}^2\text{)}$$

Tiền mua gỗ để lát nền phòng hết là

$$280000 \times 24 = 6720000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 6720000 đồng

Củng cố – Dặn dò

- GV tổng kết tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau: **Luyện tập chung**.

Tuần 6.

Thứ năm ngày 19 tháng 09 năm 20.....

Ngày soạn: 06.09.20.....

Toán

Tiết 29:

Luyện tập chung

I. Mục tiêu:

- Tính diện tích các hình đã học.
- Giải các bài toán liên quan đến diện tích.

II. Chuẩn bị :

Bảng nhóm.

III. Các hoạt động dạy - học:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Kiểm tra bài cũ	
- Kiểm tra bài cũ: Người ta dùng loại gạch men hình vuông	- 1 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp

có cạnh 2dm. Hỏi cần có bao nhiêu viên gạch để lát kín nền nhà hình chữ nhật có chiều rộng 4m, chiều dài 8m.

- GV nhận xét và cho điểm HS.

theo dõi và nhận xét.

Dạy – học bài mới

2.1. Giới thiệu bài: Hôm nay, cả lớp sẽ cùng nhau làm một số bài toán giải về diện tích các hình.

2.2. Hướng dẫn luyện tập

Bài 1

- GV gọi HS đọc đề bài trước lớp, sau đó cho HS tự làm bài.

- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.

DT nền căn phòng là:

$$6 \times 9 = 54 \text{ m}^2$$

$$54 \text{ m}^2 = 540000 \text{ cm}^2$$

$$\text{DT viên gạch: } 30 \times 30 = 900 \text{ cm}^2$$

Số gạch cần dùng để lát cho căn phòng:

$$540000 : 900 = 600 \text{ viên}$$

Đáp số: **600 viên**

- GV chữa bài và cho điểm HS

Bài 2

- GV gọi HS đọc đề bài toán.

- Gợi ý:

a) Muốn tính DT thửa ruộng ta cần biết kích thước nào?

a) Chiều rộng thửa ruộng:

$$80 : 2 = 40 \text{ m}$$

$$\text{DT thửa ruộng: } 80 \times 40 = 3200 \text{ m}^2$$

b) Bài toán thuộc dạng quan hệ tỉ lệ có thể giải bằng cách nào?

b) Tóm tắt: $100 \text{ m}^2 : 50 \text{ Kg}$ thóc

$$3200 \text{ m}^2 : ? \text{ Kg}$$
 thóc

3200 m^2 gấp 100 m^2 số lần là:

$$3200 : 100 = 32 \text{ lần}$$

Số thóc thu hoạch:

$$50 \times 32 = 1600 \text{ Kg} = 16 \text{ tạ}$$

Đáp số: **3200 m^2 ; 16 tạ**

- 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.

Củng cố – Dặn dò

- GV tổng kết tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau ./.

Tuần 6.

Thứ sáu ngày 20 tháng 09 năm 20.....

Ngày soạn: 06.09.20.....

Toán

Tiết 30 :

Luyện tập chung

I. Mục tiêu:

- So sánh các phân số, tính giá trị biểu thức với phân số.
- Giải bài toán Tìm hai số biết hiệu và tỉ số của hai số đó.

II. Chuẩn bị :

Hình vẽ trong bài tập 4 vẽ sẵn vào bảng phụ, hoặc giấy khổ to.

II. Các hoạt động dạy – học :

Hoạt động dạy	Hoạt động học
Kiểm tra bài cũ	
<p>- Kiểm tra bài cũ:</p> <p>$\frac{3}{7}$ số vải có là 36m. Tính số vải có?</p> <p>- GV nhận xét và cho điểm HS.</p>	<p>- 1 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi và nhận xét.</p>
Dạy – học bài mới	
<p>2.1. Giới thiệu bài: Hôm nay, chúng ta sẽ ôn luyện về phép nhân, chia các phân số, tìm thành phần chưa biết của phép tính, đổi số đo hai đơn vị thành số đo 1 đơn vị dưới dạng hỗn số và giải toán về diện tích các hình.</p>	<p>- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học.</p>
2.2. Hướng dẫn luyện tập	
Bài 1	
<p>- GV yêu cầu HS đọc bài tập và tự làm các bài tập.</p> <p>- Viết các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn</p>	<p>a) $\frac{18}{35}$; $\frac{28}{35}$; $\frac{31}{35}$; $\frac{32}{35}$</p> <p>b) $\frac{1}{12}$; $\frac{2}{3}$; $\frac{3}{4}$; $\frac{5}{6}$</p>
Bài 2	
<p>- GV cho HS đọc đề.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài.</p>	<p>- 1 HS đọc đề.</p> <p>- 4 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p>
<p>- GV nhận xét và cho điểm HS.</p>	<p>a) $\frac{3}{4} + \frac{2}{3} + \frac{5}{12} = \frac{9+8+5}{12} = \frac{22}{12} = \frac{11}{6}$</p> <p>d) $\frac{15}{16} : \frac{3}{8} \times \frac{3}{4} = \frac{15}{16} \times \frac{8}{3} \times \frac{3}{4} = \frac{15}{8}$</p>
Bài 4	
<p>- GV nhận xét và cho điểm HS.</p>	

- Yêu cầu HS đọc đề Toán và hỏi bài toán thuộc dạng toán nào em đã học
- Nêu lại cách làm và thực hiện

Tìm 2 số khi biết hiệu và tỉ số
 Bài giải: Hiệu số phần
 $4 - 1 = 3$ phần
 Tuổi con: $30 : 3 = 10$ tuổi
 Tuổi bố: $10 \times 4 = 40$ tuổi
 Đáp số: Bố **40 tuổi**, con **10 tuổi**

Củng cố – Dặn dò

- GV tổng kết tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau: **Luyện tập chung**

Tuần 7.

Thứ hai ngày 23 tháng 09 năm 20....

Ngày soạn: 06.09.20....

Toán

Luyện tập chung

Tiết 31 :

I Mục tiêu:

Giúp HS củng cố về:

-Quan hệ giữa 1 và $\frac{1}{10}$; $\frac{1}{10}$ và $\frac{1}{100}$; $\frac{1}{100}$ và $\frac{1}{1000}$.

-Tìm một thành phần chưa biết của phép tính với phân số.

-Giải bài toán liên quan đến số trung bình cộng.

II. Chuẩn bị:

Bảng nhóm.

III. Các hoạt động dạy - học:

Hoạt động dạy của GV	Hoạt động học của HS
<p>A. Bài cũ : Luyện tập chung Gọi 1em đọc đề bài số 3. Tóm tắt đề bài: DT khu đất: 5ha. DT hồ nước: $\frac{3}{10}$. Dt khu đất? -GV chấm bài.GV nhận xét.</p>	<p>-HS sửa bài. Giải: $5\text{ha}=50000\text{m}^2$ Diện tích hồ nước: $50000 \times \frac{3}{10} = 15000(\text{m}^2)$</p>
<p>B. Bài mới: Luyện tập chung Bài 1: Cho HS đọc đề. Nêu yêu cầu đề và tự giải.</p>	<p>-HS thảo luận nhóm đôi và tự giải bài.Cả lớp theo dõi và sửa bài chung. a)1: $\frac{1}{10} = 1 \times \frac{10}{1} = 10(\text{lần})$</p>

<p>Bài 2: Cho HS làm nhóm 4. Cho HS làm. Trình tự các nhóm nêu cách làm của nhóm mình. Hai nhóm cùng đề, nhóm nào hoàn thành nhanh nhóm đó được quyền nêu kết quả.</p> <p>Bài 3: .GV gợi ý tìm ra hướng giải bài toán: Đề toán hỏi gì? Đề toán cho gì? Với 60000đồng, hiện nay với mức giảm giá đó, có thể mua mấy mét vải? +GV theo dõi HS làm bài và sửa bài chung cả lớp.</p>	<p>Vậy 1 gấp 10lần $\frac{1}{10}$.</p> <p>b) $\frac{1}{10} : \frac{1}{100} = \frac{1}{10} \times \frac{100}{1} = 10(\text{lần})$</p> <p>Vậy $\frac{1}{10}$ gấp 10 lần $\frac{1}{100}$.</p> <p>c) $\frac{1}{100} : \frac{1}{1000} = \frac{1}{100} \times \frac{1000}{1} = 10(\text{lần})$</p> <p>Vậy $\frac{1}{100}$ gấp 10lần $\frac{1}{1000}$.</p> <p>a) $X + \frac{2}{5} = \frac{1}{2}$ b) $X - \frac{2}{5} = \frac{2}{7}$ $X = \frac{1}{2} - \frac{2}{5}$ $X = \frac{2}{7} + \frac{2}{5}$ $X = \frac{9}{10}$ $X = \frac{24}{35}$</p> <p>c) $X \times \frac{3}{4} = \frac{9}{20}$ d) $X : \frac{1}{7} = 14$ $X = \frac{9}{20} : \frac{3}{4}$ $X = 14 \times \frac{1}{7}$ $X = \frac{3}{5}$ $X = 2$</p> <p>-HS tự làm. HS sửa bài chung. Giải: -Giá tiền một mét vải trước đây: 12000đ -Giá tiền mỗi mét vải sau khi giảm giá: 10000đ -Với 60000đồng, hiện nay có thể mua: 6mét vải.</p>
<p>C. Củng cố và dặn dò: -Muốn tìm trung bình cộng của hai số ta làm thế nào? -Chuẩn bị bài sau: Khái niệm về số thập phân.</p>	<p>-HS trả lời. -HS lắng nghe.</p>

Tuần 7. Thứ ba ngày 24 tháng 09 năm 20.....

Ngày soạn: 06.09.20.....

ToánTiết 32: **Khái niệm về số thập phân****I. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Nhận biết khái niệm ban đầu về số thập phân.
- Biết đọc, viết số thập phân dạng đơn giản.

II. Đồ dùng dạy học:

Các bảng nêu trong SGK(kẻ sẵn vào bảng phụ)

III. Các hoạt động dạy và học:

Hoạt động dạy của GV	Hoạt động học của HS
<p>A. Bài mới: Khái niệm về số thập phân</p> <p>1. Giới thiệu khái niệm về số thập phân (dạng đơn giản)</p> <p>a) Hướng dẫn HS tự nêu nhận xét từng hàng trong bảng ở phần a) để nhận ra:</p> <p>-Có 0m1dm tức là có 1dm; viết lên bảng:</p> $1\text{dm} = \frac{1}{10}\text{m}$ <p>-1 dm hay $\frac{1}{10}$ m còn được viết thành 0,1 m; viết 0,1m lên bảng cùng hàng với $\frac{1}{10}$ m (như trong SGK).</p> <p>Tương tự: với 0,01m; 0,001m.</p> <p>-Các phân số thập phân $\frac{1}{10}; \frac{1}{100}; \frac{1}{1000}$ được viết như thế nào?</p> <p>-GV vừa viết lên bảng vừa giới thiệu:</p> <p>*0,1 đọc là không phải một.</p> <p>Và ghi: $0,1 = \frac{1}{10}$</p> <p>*Giới thiệu tương tự với 0,01; 0,001.</p> <p>-GV: Chỉ vào 0.1;0.01;0,001 →</p> <p>-GV : Các số 0.1;0,01;0,001...gọi là số thập phân.</p> <p>b) Làm tương tự như bảng ở phần b) để HS nhận ra được các số 0,5; 0,07; 0,009 cũng là các số thập phân.</p>	<p>- $\frac{1}{10}$ m.</p> <p>-0,1m;0,01m;0,001m.</p> <p>-Cho nhiều em nhắc lại.</p> <p>-Gọi HS đọc lần lượt các số.</p> <p>-Cho HS đọc các số.</p>

B. Thực hành:**Bài 1:**

a) GV chỉ vào từng vạch trên tia số, cho HS đọc phân số thập phân và số thập phân ở vạch đó. Chẳng hạn: một phần mười, không phẩy một; hai phần mười, không phẩy hai...

b) Thực hiện tương tự như phần a). GV có thể cho HS xem hình vẽ trong SGK để nhận biết hình ở phần b) là hình “phóng to” đoạn từ 0 đến 0,1 trong hình ở phần a).

Bài 2: GV hướng dẫn HS viết theo mẫu của từng phần a),b) rồi tự làm và chữa bài. Kết quả là:

$$a) 7\text{dm} = \frac{7}{10} \text{m} = 0,7\text{m}$$

$$5\text{dm} = \frac{5}{10} \text{m} = 0,5\text{m}$$

$$2\text{mm} = \frac{2}{1000} \text{m} = 0,002\text{m}$$

$$4\text{g} = \frac{4}{1000} \text{kg} = 0,004\text{kg}$$

$$b) 9\text{cm} = \frac{9}{100} \text{m} = 0,09\text{m}$$

$$3\text{cm} = \frac{3}{100} \text{m} = 0,03\text{m}$$

$$8\text{mm} = \frac{8}{1000} \text{m} = 0,008\text{m}$$

$$6\text{g} = \frac{6}{1000} \text{kg} = 0,006\text{kg}$$

C. Củng cố và dặn dò:

-1em cho số thập phân và cả lớp đọc hoặc viết.

-Bài về nhà bài 3.

- Chuẩn bị bài sau: Khái niệm số thập phân./.

Tuần 7.

Thứ tư ngày 25 tháng 09 năm 20....

Ngày soạn: 06.09.20....

Toán

Khái niệm số thập phân (TT)

Tiết 33:

I. Mục tiêu:

Giúp HS :

- Nhận biết ban đầu về khái niệm số thập phân
- Cấu tạo của số thập phân có phần nguyên và phần thập phân.
- Biết đọc, viết các số thập phân (ở các dạng đơn giản thường gặp).

II. Đồ dùng dạy - học:

Kẻ sẵn vào bảng phụ nêu trong bài học của SGK.

III. Các hoạt động dạy - học:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p>A. Bài cũ: Khái niệm về số thập phân -Sửa bài số 3.Gọi HS đứng tại chỗ đọc kết quả.Cả lớp theo dõi và nhận xét.</p>	-HS đọc các số đo độ dài dưới dạng số thập phân.
<p>B. Bài mới: Khái niệm về số thập phân(tt) 1.Tiếp tục giới thiệu khái niệm về số thập phân: -Gv hướng dẫn Hs tự nêu nhận xét từng hàng trong bảng : *$2m7dm$ hay $2\frac{7}{10}m$ được viết thành $2,7m$; $2,7m$ đọc là: Hai phẩy bảy. *Tương tự với $8,56m$ và $0,195m$. -GV giới thiệu : Các số $2,7; 8,56; 0,195$ cũng là số thập phân. -GV gợi ý cho HS nhận ra: → -Gv viết từng ví dụ trên bảng, gọi HS chỉ vào từng phần nguyên, phần thập phân và đọc. Giúp HS dễ nhận ra cấu tạo của số thập phân đơn giản.</p>	<p>-HS nhắc lại.</p> <p>-Mỗi số thập phân gồm hai phần: phần nguyên và phần thập phân; những chữ số ở bên trái dấu phẩy thuộc về phần nguyên, những chữ số ở bên phải dấu phẩy thuộc về phần thập phân. -HS theo dõi và đọc. Chú ý: Với số thập phân $8,56$ phân tích cấu tạo như sau: Phần nguyên gồm chữ số 8 ở bên trái dấu phẩy và phần nguyên là 8, phần thập phân gồm các chữ số 5 và 6 ở bên trái dấu phẩy và phần thập phân là $\frac{56}{100}$, do đó không nên nói tắt là: phần thập phân là 56. Viết: $\begin{matrix} & \swarrow & 8 & , & \swarrow & 56 \\ & & \text{P.nguyên} & & & \text{P.thập phân} \end{matrix}$</p>
<p>B. Thực hành: Bài 1:Làm miệng: HS đọc từng số thập phân. Bài 2: Viết các hỗn số sau thành số thập phân rồi đọc số đó: -GV gợi ý HS cách viết:</p>	<p>-HS đọc.Cả lớp theo dõi và nhận xét. $-9,4; 7,98; 25,477; 206,075; 0,307.$</p> <p>-HS làm nhóm 4.Cả lớp theo dõi sửa bài. $-5\frac{9}{10}=5,9$; $82\frac{45}{100}=82,45$ $810\frac{225}{1000}=810,225.$</p>

<p>C. Củng cố và dặn dò: -Nêu cấu tạo về số thập phân? -Về nhà làm bài 3. Bài sau: Hàng của số thập phân.Đọc,viết số thập phân./.</p>	<p>-HS trả lời. -HS lắng nghe.</p>
--	---

Tuần 7. Thứ năm ngày 26 tháng 09 năm 20....

Ngày soạn: 06.09.20....

Toán

Tiết34: **Hàng của số thập phân. Đọc, viết số thập phân**

I. **Mục tiêu:** Giúp HS:

- Nhận biết tên các hàng của số thập phân (dạng đơn giản thường gặp); quan hệ giữa các đơn vị của hai hàng liền nhau.
- Nắm được cách đọc, cách viết số thập phân.

II. **Đồ dùng dạy - học:**

Kẻ sẵn một bảng phóng to bảng của SGK, hoặc hướng dẫn HS sử dụng bảng của SGK.

III. **Các hoạt động dạy - học:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>A. Bài cũ: Khái niệm về số thập phân. -Gọi 2 em đứng tại chỗ đọc kết quả. GV chấm bài 5 em. Nhận xét – cho điểm.</p>	<p>HS đọc: -0,004; 0.095. -Cả lớp nhận xét.</p>
<p>B. Bài mới: Hàng của số thập phân.Đọc, viết số thập phân. 1.Giới thiệu các hàng, giá trị của các chữ số ở các hàng và cách đọc viết các số thập phân: a) GV hướng dẫn HS quan sát bảng trong SGK và giúp HS tự nêu được: → b)GV hướng dẫn để HS tự nêu được cấu tạo của từng phần trong số thập phân rồi đọc số đó. *Ví dụ : 375,406 -Phần nguyên gồm có: 3 trăm, 7chục,5 đơn vị. -Phần thập phân gồm có: 4 phần mười, 0</p>	<p>-Phần nguyên của số thập phân gồm các hàng : đơn vị, chục, trăm, nghìn,... -Phần thập phân của số thập phân gồm các hàng: phần mười, phần trăm, phần nghìn,... -Mỗi đơn vị của một hàng bằng 10 đơn vị của hàng thấp hơn liền sau hoặc bằng $\frac{1}{10}$ (tức 0,1) đơn vị của hàng cao hơn liền trước. -HS thảo luận nhóm đôi.Cả lớp theo dõi sửa</p>

<p>phần trăm, 6 đơn vị. -Số thập phân 375,406 đọc là : ba trăm bảy mươi lăm phẩy bốn trăm linh sáu. c) Tương tự như phần b) đối với số thập phân: 0,1985.</p> <p>GV nhận xét và kết bài.</p> <p>II)Thực hành: Bài 1: Nêu câu đề. Cho HS làm miệng. GV nhận xét và bài.</p> <p>Bài 2: Cho HS dùng bảng con.Gọi 1 em lên bảng. Cả lớp theo dõi và sửa bài.</p>	<p>bài. -HS tìm ra được thống nhất đọc và viết số thập phân. -Đọc số thập phân; nêu phần nguyên, phần thập phân và giá trị theo vị trí của mỗi chữ số ở từng hàng.</p> <p>a) 2,35; b)301,80 ;c)194,54; d)0,032.</p> <p>- Viết các số thập phân : a) 5,9; b)55,555.</p>
<p>C. Củng cố và dặn dò: -Nêu tên hàng của một số thập phân. -Nêu cách đọc và viết một số thập phân. -Về nhà làm bài 3.Bài sau: Luyện tập.</p>	<p>-HS trả lời. -HS lắng nghe.</p>

Tuần 7. Thứ sáu ngày 27 tháng 09 năm 20....

Ngày soạn: 06.09.20....

Toán

Tiết 35:

Luyện tập**I. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Biết cách chuyển một phân số thập phân thành hỗn số rồi thành số thập phân.
- Củng cố về chuyển số đo viết dưới dạng số thập phân thành số đo viết dưới dạng số tự nhiên với đơn vị đo thích hợp.

II. Chuẩn bị :**Bảng nhóm.****III. Các hoạt động dạy - học:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
A. Bài cũ : Gọi 2 em đọc kết quả bài 3 . GV chấm 5 em. GV nhận xét.	-c)55,555 d)2002,08; e)0,001
B. Bài mới: Luyện tập Bài 1: a) GV hướng dẫn HS thực hiện việc chuyển một phân số (thập phân) có số lớn hơn mẫu số thành một hỗn số.Chẳng hạn, để chuyển $\frac{162}{10}$ thành hỗn số, GV có thể hướng dẫn HS làm theo hai bước : *Cho HS thực hành chuyển các phân số thập phân trong bài 1 thành hỗn số (theo mẫu bên). b)Khi đã có các hỗn số, nên cho HS nhớ lại cách viết các hỗn số thành số thập phân (như bài đã học) để chuyển các hỗn số mới tìm được thành số thập phân.Chẳng hạn: Bài 2: GV hướng dẫn HS tự chuyển các phân số thập phân(theo mẫu của bài 1).	$\begin{array}{r} 162 \quad \quad 10 \\ 62 \quad \quad 16 \\ 2 \quad \end{array}$ <p>*Lấy tử số chia cho mẫu số. *Thương tìm được là phần nguyên (của hỗn số); viết phần nguyên kèm theo một phân số có tử số là số dư, mẫu số là số chia .</p> <p><i>Chú ý:</i>Khi trình bày bài làm, HS chỉ viết theo mẫu, không trình bày cách làm như trong SGK.</p> <p>$16\frac{2}{10}=16,2; 73\frac{4}{10}=73,4; 56\frac{8}{100}=56,08;$ $6\frac{5}{100}=6,05.$</p> <p>*HS chỉ viết kết quả cuối cùng, còn bước trung gian(chuyển từ phân số thành hỗn số) thì làm ở vở nháp. Chẳng hạn:</p>

<p>Bài 3:GV hướng dẫn HS chuyển từ 2,1m thành 21dm (như trong SGK) rồi cho HS tự làm bài rồi chữa bài .</p>	<p>$\frac{45}{10}=4,5; \frac{834}{10}=83,4; 19\frac{54}{100}=19,54\dots$ <i>Chú ý:</i>HS chưa học chia số tự nhiên cho số tự nhiên để có thương là số thập phân nên phải làm theo các bước của bài 1. 5,27m=527cm; 8,3m=830cm; 3,15m=315cm - Thực hiện.</p>
<p>C. Củng cố và dặn dò: -Muốn chuyển một phân số thập phân thành một hỗn số ta làm thế nào? -Về sửa lại những bài làm còn sai. - Chuẩn bị bài sau:” <i>Số thập phân bằng nhau</i>”./.</p>	<p>-HS trả lời. -HS lắng nghe.</p>

Tuần 8.

Thứ hai ngày 30 tháng 09 năm 20.....

Ngày soạn: 06.09.20.....

Toán

Tiết 36:

Số thập phân bằng nhau

I. Mục tiêu: HS biết:

Viết thêm chữ số 0 vào bên phải phân thập phân hoặc bỏ chữ số 0 ở tận cùng bên phải của số thập phân thì giá trị của số thập phân không thay đổi.

II. Chuẩn bị :

Bảng nhóm

III. Hoạt động dạy – học:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Ổn định: 2. Bài cũ: Gọi 2 hs lên bảng làm bài tập. - Chuyển các phân số thập phân sau thành số thập phân, rồi đọc các số thập phân đó:</p>	<p>- HS thực hiện</p>

$$\frac{456}{10} \quad \frac{3576}{100}$$

- GV nhận xét cho điểm.

3. Bài mới: GV giới thiệu bài - Ghi đề “*Số thập phân bằng nhau*”

Hoạt động 1 : Phát hiện đặc điểm của số thập phân khi viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân hoặc bỏ chữ số 0 (nếu có) ở tận cùng bên phải của số thập phân đó

Ví dụ: 9dm = 90 cm Nên 0,9m = 0,90m

Mà 9dm = 0,9 m Vậy: 0,9 = 0,90

hoặc 0,90 = 0,9

90 cm = 0,90 m 0,90 = 0,900 hoặc

0,900 = 0,90

- Nếu viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của một số thập phân thì ta được một số thập phân như thế nào?

-GV hướng dẫn HS tự nêu ví dụ minh họa

- Nếu một số thập phân có chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân thì khi bỏ chữ số 0 đó đi thì ta được một số thập phân như thế nào?

-Hướng dẫn HS tự nêu ví dụ ngược lại các ví dụ ở phần trên.

Hoạt động 2: Thực hành

MT: Vận dụng làm bài tập

CTH:

Bài 1: gọi 1 HS đọc yêu cầu của đề bài

-GV yêu cầu hs làm bài cá nhân vào vở

- Gọi 1 HS lên bảng làm bài

a. 7,800 = 7,8 ; 64,9000 = 64,9; 3,0400 = 3,04

b. 2001,300 = 2001,3 ; 35,020 = 35,02 ; 100,0100

- Chú ý, quan sát

- Ta được một số thập phân bằng nó.

- Ví dụ: 0,5 = 0,50 = 0,500 = 0,5000

5,34 = 5,430 = 5,3400 = 5,34000

15 = 15,0 = 15,00 = 15,000 = 15,0000

- Ta được một số thập phân bằng nó.

Ví dụ:

15,0000 = 15,000 = 15,00 = 15,0 = 15

5,34000 = 5,3400 = 5,340 = 5,34

0,5000 = 0,500 = 0,50 = 0,5

- 1HS đọc – cả lớp đọc thầm

- HS làm bài

-1 HS lên bảng sửa bài- Lớp nhận xét, bổ sung .

<p>=100,01</p> <p>Bài 2: Thực hiện tương tự bài 1</p> <p>a. 5,612 ; 17,200 ; 480,590</p> <p>b. 24,500 ; 80,010 ; 14,678</p> <p>Nhận xét ghi điểm</p> <p>4. Củng cố. Dặn dò :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại nội dung bài. - Chuẩn bị bài sau: “<i>So sánh hai số thập phân</i>”. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc - cả lớp đọc thầm - HS tự làm bài rồi trả lời- các bạn khác nhận xét, bổ sung.
---	--

Tuần 8.

Thứ ba ngày 01 tháng 10 năm 20.....

Ngày soạn: 06.09.20.....

Toán

Tiết 37:

So sánh hai số thập phân

I. Mục tiêu:

- Biết :
- So sánh 2 số thập phân
- Sắp xếp các số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn và ngược lại.

II. Chuẩn bị :

Bảng nhóm

III. Các hoạt động dạy - học :

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Ổn định :</p> <p>2. Bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra vở bài tập của HS - Nhận xét <p>3. Bài mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bài – ghi đề. “<i>So sánh hai số thập phân</i>” <p>HD1 : So sánh hai số thập phân có phần nguyên khác nhau.</p> <p>MT: Biết so sánh về phần nguyên.</p>	

<p>CTH:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV nêu ví dụ : so sánh 8,1m và 7,9m $+ 8,1m = ? dm$ $7,9m = ? dm$- Yêu cầu HS so sánh 81dm và 79dm Tức là : 8,1m và 7,9m như thế nào? Vậy $8,1 > 7,9$ (phần nguyên có $8 > 7$)- YC HS nêu nhận xét. <ul style="list-style-type: none">- GV nêu VD và cho HS giải thích 2001,2 so với 1999,7 <p>Hoạt Động2: So sánh hai số thập phân có phần nguyên bằng nhau phần thập phân khác nhau.</p> <p>MT: So sánh phần thập phân</p> <p>CTH:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV nêu ví dụ : So sánh 35,7m và 35,698m có phần nguyên như thế nào ? Ta so sánh các phần thập phân :+Phần thập phân của 35,7m là ?+Phần thập phân của 35,698 là ? <ul style="list-style-type: none">- Y/c HS so sánh 700mm với 698 mm : $\frac{7}{10}m > \frac{698}{1000}m$- So sánh : 35,7 m so với 36,698m như thế nào ? <ul style="list-style-type: none">+ YC HS nêu nhận xét. <ul style="list-style-type: none">- GV nêu ví dụ : 12,5 so với 12,479- Yêu cầu hs so sánh và giải thích. GV nêu tiếp ví dụ : 234,685 so với 234,692- Yêu cầu so sánh và hs giải thích.	<ul style="list-style-type: none">$8,1m = 81dm$ $7,9m = 79dm$$81dm > 79dm$ ($81 > 79$ vì ở hàng chục có $8 > 7$) $\Rightarrow 8,1m > 7,9m$ <p><i>Trong hai số thập phân có phần nguyên khác nhau, số thập phân nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.</i></p> <ul style="list-style-type: none">- $2001,2 > 1999,7$ (vì phần nguyên $2001 > 1999$) <ul style="list-style-type: none">- Có phần nguyên = nhau- Phần thập phân của 35,7m là $\frac{7}{10}m = 7dm = 700mm$- Phần thập phân của 35,698m là $\frac{698}{1000}m = 698mm$ <ul style="list-style-type: none">$700mm > 698mm$ ($700 > 698$ vì hàng trăm $7 > 6$) $\Rightarrow 35,7m > 35,698m$$35,7 > 35,698$ (Phần nguyên bằng nhau hàng phần mười có $7 > 6$)- Trong hai số thập phân có phần nguyên bằng nhau, số thập phân nào có hàng phần mười lớn hơn thì số đó lớn hơn.- HS nêu- HS nhắc lại.
--	--

<p>- Như vậy muốn so sánh hai số thập phân ta làm như thế nào?</p> <p>- GV chốt lại như sgk.</p> <p>Hoạt động 3: Thực hành</p> <p><i>MT: Vận dụng làm bài tập</i></p> <p><i>CTH:</i></p> <p>Bài 1: Gọi HS đọc yêu cầu của bài tập</p> <p>- Cho HS làm bài cá nhân sau đó gọi hs lên bảng sửa bài.</p> <p>a. $48,97 < 51,02$</p> <p>b. $96,4 > 96,38$</p> <p>c. $0,7 > 0,65$</p> <p>Bài 2: Gọi hs đọc yêu cầu bài tập .</p> <p>Cho HS làm bài theo nhóm đôi.</p> <p>- Gọi đại diện 1 nhóm lên bảng làm bài.</p> <p>$6,375 < 6,735 < 7,19 < 8,72 < 9,01$</p> <p>Nhận xét cho điểm</p> <p>4. Củng cố, Dặn dò:</p> <p>- Gọi 1 em nhắc lại cách So sánh hai số thập phân.</p> <p>- Chuẩn bị bài sau: “<i>Luyện tập</i>”.</p> <p>- Nhận xét tiết học./.</p>	<p>- HS đọc</p> <p>- HS ngồi làm bài sau đó lên bảng sửa bài, lớp nhận xét, bổ sung.</p> <p>- HS đọc .</p> <p>- HS các nhóm làm bài.</p> <p>- Đại diện lên bảng làm bài, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>
--	---

Tuần 8.**Thứ tư ngày 02 tháng 10 năm 20.....**

Ngày soạn: 06.09.20.....

Toán**Tiết 38:****Luyện tập****I. Mục tiêu :** Biết:

- So sánh hai số thập phân.
- Sắp xếp các số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn.

II. Chuẩn bị :

Bảng nhóm

III. Các hoạt động dạy - học :**1. Ổn định:****2. Bài cũ :** - Gọi HS lên bảng làm bài tập sau:

+ So sánh hai số thập phân sau: 145,64 và 145,579

*Nhận xét , ghi điểm***3. Bài mới:**- Giới thiệu bài, ghi đề "**luyện tập**"*MT: Nắm và làm được bài tập**CTH:***Bài 1,** gọi 1 HS nêu yêu cầu bài tập

- Cho HS tự làm bài.
- Gọi lần lượt từng em lên bảng làm bài
- GV chốt lại: Kết quả là :
 $84,2 > 84,19$; $6,843 < 6,85$
 $47,5 = 47,500$; $90,6 > 89,6$

Bài 2,: Gọi 1 HS đọc yêu cầu làm bài.

- Cho HS làm bài theo nhóm đôi, yêu cầu 1 nhóm làm bài vào bảng gắn.
- Gọi đại diện nhóm làm vào bảng gắn lên trình bày kết quả.
- + Gv chốt lại: Kết quả là 4,23 ; 4,32 ; 5,3 ; 5,7 ; 6,02

Bài 3: Gọi 1 HS đọc yêu cầu bài tập.

- Cho HS tự làm bài
- Gọi 1 em lên bảng làm bài.
- + GV chốt lại : Kết quả là $9,708 < 9,718$

- HS nêu
- HS tự làm bài
- HS lên bảng làm bài sau đó giải thích kết quả làm bài.

- 1 HS đọc cả lớp đọc thầm.
- HS tự làm bài theo nhóm đôi.
- Các nhóm khác nhận xét bổ sung.

- 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm.
- HS tự làm bài.
- HS lên bảng làm bài, các bạn nhận xét.

<p>Bài 4 , Thực hiện tương tự bài 3 Gọi HS lên bảng làm bài. GV chốt lại: Kết quả là $a/x = 1$ vì $0,9 < 1 < 1,2$ - Nhận xét ghi điểm. 4.Củng cố- Dặn dò: - Về ôn lại bài tập vừa làm. - Chuẩn bị bài sau. - Nhận xét tiết học./.</p>	<p>- HS lên bảng làm bài các bạn nhận xét.</p>
--	--

Tuần 8.

Thứ năm ngày 03 tháng 10 năm 20....

Ngày soạn: 06.09.20....

Toán

Tiết 39 :

Luyện tập chung

I. Mục tiêu: Biết:

- Đọc, viết, sắp thứ tự các số thập phân.
- Tính bằng cách thuận tiện nhất.

II. Chuẩn bị : Bảng nhóm

III. Các hoạt động dạy - học :

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Ổn định: 2. Bài cũ: - Kiểm tra vở bài tập của HS <i>Nhận xét</i> 3. Bài mới : Giới thiệu bài – ghi đề “Luyện tập chung” Bài 1: Gọi 1 HS đọc yêu cầu bài tập. - GV hỏi HS về giá trị của mỗi chữ số trong số. (chẳng hạn, nêu giá trị của chữ số 1 trong số 28,416) Bài 2: Gọi 1 hs đọc yêu cầu của bài. - GV đọc số – yêu cầu HS viết số vào vở nháp (gọi 1 HS lên bảng viết) - GV chốt lại : Kết quả là :</p>	<p>- HS đọc lớp nghe rồi nhận xét. - HS nhắc lại cách đọc số thập phân. 1 HS đọc cả lớp đọc thầm. - Cả viết số vào vở nháp. - Cả lớp cùng nhận xét bổ sung. a/ 5,7 b/ 32,85 c/ 0,01 d/ 0,304</p>

Bài 3: Gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài

- Cho HS tự làm bài vào vở.
- Gọi 1 hs lên bảng làm bài.
- GV chốt lại : kết quả là :

Bài 4, Gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài

- Cho HS tự làm bài .
- Gọi HS lên bảng làm bài.

Nhận xét ,ghi điểm

3.Củng cố, Dặn dò: - Cho HS nhắc lại cách đọc, viết, so sánh số thập phân.

- Về nhà ôn lại bài và làm bài ở vở bài tập toán

- Nhận xét tiết học./.

- HS nhắc lại cách viết số thập phân
- 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm.
- Cả lớp làm bài vào vở.

- HS lên bảng thực hiện cả lớp nhận xét.

41,538 ; 41,835 ; 42,358 ; 42,538.

- HS tự làm bài vào vở.

Tuần 8.

Thứ sáu ngày 04 tháng 10 năm 20....

Ngày soạn: 06.09.20.....

Toán

Tiết 40 : **Viết các số đo độ dài dưới dạng số thập phân****I. Mục tiêu:**

Biết viết số đo độ dài dưới dạng số thập phân (trường hợp đơn giản)

II. Chuẩn bị : Bảng nhóm**III. Hoạt động dạy và học:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Bài cũ:</p> <p>2. Bài mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bài - Ghi đề “<i>Viết các số đo độ dài dưới dạng số thập phân</i>”. <p>HD1: Ôn hệ thống lại bảng đơn vị đo độ dài:</p> <p>a/ GV cho HS nêu lại các đơn vị đo độ dài đã học từ lớn đến bé.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi một số em đọc bảng đơn vị đo độ dài. <p>b/ Yêu cầu HS nêu quan hệ giữa các đơn vị đo liền kề.</p> <p>+ $1km = ? hm$; $1hm = ? km$ $1m = ? dm$; $1dm = ? m$</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS suy nghĩ và phát triển nhận xét chung về quan hệ giữa các đơn vị đo liền kề. - GV chốt lại: <i>Mỗi đơn vị đo độ dài gấp 10 lần đơn vị liền sau nó. Mỗi đơn vị đo độ dài bằng một phần mười (0,1) đơn vị liền trước nó.</i> <p>c/ GV yêu cầu HS nêu quan hệ của một số đơn vị đo độ dài quen thuộc.</p> <p>+ $1km = ? m$; $1m = ? km$</p> <p>+ $1m = ? cm$; $1cm = ? m$</p> <p>+ $1m = ? mm$; $1mm = ? m$</p> <p>+ $1m = ? dm$; $1dm = ? m$</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS nêu. <p><i>km, hm, dam, m, dm, cm, mm</i></p> <p>$1km = 10hm$; $1hm = 0,1km$</p> <p>$1m = 10dm$; $1dm = 0,1m$</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và đi đến phát biểu chính xác. <p>$1km = 1000m$;</p> <p>$1m = 0,001km$</p> <p>$1m = 100cm$; $1 = 0,01m$</p> <p>$1m = 1000mm$;</p> <p>$1mm = 0,001m$</p> <p>$1m = 10dm$; $1dm = 0,1m$</p>

<p>- GV nêu ví dụ: viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm: + 6m 4dm = ... m</p> <p>- GV nêu cho HS làm tiếp ví dụ + 12dm5cm = ... dm 9m25cm = ... m 7m8cm = ... m</p> <p>HD2: Thực hành: <u>Bài 1:</u> Gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài. - Cho HS tự làm bài vào vở, GV giúp các HS yếu.</p> <p>- Gọi 1 HS lên bảng làm bài. - GV chốt lại: kết quả là: <i>a/ 8m6dm = 8,6m ; b/ 2dm2cm = 2,2dm</i> <i>c/ 3m7cm = 3,07m ; d/ 23m13cm = 23,13m</i></p> <p><u>Bài 2:</u> Cho HS đọc đề. - Phân tích: Viết 3m4dm dưới dạng số thập phân có đơn vị là mét tức là viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm: 3m4dm= ... m.</p> <p><u>Bài 3:</u> Cho hs đọc yêu cầu của đề bài</p> <p>- Yêu cầu HS tự làm bài. Chốt ý đúng: <i>a/ 5km302m = 5,302km b/ 5km75m = 5,075km</i> <i>c/ 302m = 0,302km</i> Nhận xét, ghi điểm.</p> <p>3.Củng cố, Dặn dò: - Cho HS nhắc lại tên các đơn vị đo độ dài từ lớn đến bé và quan hệ của các đơn vị đo liền kề. - Về nhà ôn lại bảng đơn vị đo độ dài./.</p> <p style="text-align: center;">*****</p>	<p>- Một vài HS nêu cách làm :</p> <p>6m4dm = 6,4m vậy 6m4dm = 6,4m 12dm5cm = 12,5dm 9m25cm = 9,25m 7m8cm = 7,08m</p> <p>- 1 HS đọc cả lớp đọc thầm. - HS làm bài vào vở. - 1 HS lên bảng làm bài, lớp nhận xét rồi thống nhất kết quả.</p> <p>- HS đọc đề . - HS tự làm các ý còn lại.</p> <p>- HS đọc yêu cầu của đề cả lớp đọc thầm. - HS tự làm bài sau đó cả lớp thống nhất kết quả.</p>
--	--

Tuần 9.**Thứ hai ngày 08 tháng 10 năm 20....**

Ngày soạn: 01.10.20.....

Toán**Tiết 41:****Luyện tập****I. Mục tiêu:** Giúp HS :

- Biết viết số đo độ dài d- ới dạng số thập phân .

Group: <https://www.facebook.com/groups/tailieutieuhocvathcs/>

- Làm bài tập 1, 2, 3, 4(a,c) trang 44 SGK

II. Chuẩn bị : Bảng nhóm.

III. Các hoạt động dạy - học:

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>A. Kiểm tra bài cũ :</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS lên bảng làm các bài tập hướng dẫn luyện tập thêm của tiết học trước. - GV đánh giá ghi điểm. <p>B. Bài mới :</p> <p>*Giới thiệu bài : Trong tiết học này các em cùng luyện tập về cách viết các số đo độ dài d- ới dạng số thập phân.</p> <p>* Hoạt động 1: Củng cố các kiến thức có liên quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Y/C HS nhắc lại bảng đơn vị đo độ dài và mối quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài liên kế nhau. - Chốt lại các kiến thức liên quan. <p>* Hoạt động 2: Luyện tập viết số đo độ dài d- ới dạng STP</p> <p>Bài 1 : Rèn kĩ năng viết số đo độ dài có hai tên ĐV thành số đo có 1 tên ĐV trong MQH giữa m-cm</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài và tự làm bài. <p>- GV gọi HS chữa bài của bạn trên bảng, sau đó</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét và cho điểm HS, chốt lại cách làm bài: Trước hết phải viết số đo đó d- ới dạng hỗn số rồi mới viết d- ới dạng STP <p>Bài 2 : Củng cố cách viết số đo độ dài từ bé đến lớn d- ới dạng STP</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1HS đọc đề bài. - GV viết lên bảng : 315cm = ... m và - Yêu cầu HS thảo luận để tìm cách viết 315 cm thành số đo có đơn vị là mét. - GV nhận xét và hướng dẫn lại cách làm như SGK đã giới thiệu. - GV Yêu cầu HS làm bài <p>GV chữa bài và cho điểm HS.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp theo dõi và nhận xét. - HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học. - 3 HS nhắc lại. - Lớp nhận xét bổ sung * Hoạt động cá nhân, lớp - 1 HS lên bảng làm, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập. $a) 35m 23cm = 35 \frac{23}{100} m = 35,23m$ <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS chữa bài của bạn. HS ngồi cạnh nhau đổi chéo vở để kiểm tra bài lẫn nhau. - 1 HS đọc yêu cầu của bài trước lớp. - HS thảo luận, sau đó một số HS nêu ý kiến trước lớp. - Nghe GV hướng dẫn cách làm - 1 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào vở bài tập. $234cm = 200cm + 34 cm = 2m 34 cm$ $= 2 \frac{34}{100} m = 2,34m....$

- Chốt lại cách làm nhanh và đơn giản :
Mỗi đơn vị đo độ dài ứng với một chữ số trong số đo độ dài.

hình tích 315cm ta đ-ợc : 3 m 1 dm 5 cm

Vậy 315cm = 3,15m.

Bài 3 : Rèn kĩ năng viết số đo độ dài có hai tên đơn vị thành số đo có 1 tên đơn vị trong mối quan hệ giữa m- km

- GV Yêu HS đọc đề bài.
- GV nhắc HS làm bài tập 3 t- ong tự nh- cách làm bài tập 1. Sau đó Yêu HS làm bài tập.

- GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng, GV nhận xét và cho điểm.

Bài 4 : Rèn kĩ năng viết số đo độ dài có 1 tên ĐV thành số đo có 2 tên ĐV trong MQH giữa các đơn vị đo trong bảng

- GV Yêu HS đọc đề bài.
- GV Yêu HS thảo luận để tìm cách làm phần a) , c),
- GV cho HS phát biểu tr- ớc lớp.
- GV nhận xét các cách mà HS đ- a ra, sau đó h- ớng dẫn lại cách mà SGK đã trình bày hoặc cho HS có cách làm nh- SGK trình bày lại tr- ớc lớp.
- GV yêu cầu HS làm tiếp các phần còn lại của bài.
- GV chữa bài và Yêu HS đổi chéo vở để kiểm tra bài lẫn nhau.

C. Củng cố dặn dò (1'):

- Nhận xét tiết học

- HS đọc đề bài tr- ớc lớp.

- 1 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào vở bài tập.

$$a) 3\text{km } 245\text{m} = 3 \frac{245}{1000} \text{km} = 3,245\text{km}....$$

- HS chữa bài của bạn. HS ngồi cạnh nhau đổi chéo vở để kiểm tra bài lẫn nhau

- HS đọc thầm đề bài trong SGK

- HS thảo luận cách làm rồi nêu miệng hoặc lên bảng chữa:HS trao đổi và tìm cách làm.

- Một số HS trình bày cách làm của mình.

- HS cả lớp theo dõi bài làm mẫu phần a), c)

$$12,44\text{m} = 12 \frac{44}{100} \text{m} = 12\text{m } 44\text{cm}$$

$$7,4\text{dm} = 7 \frac{4}{10} \text{dm} = 7\text{dm } 4 \text{ cm}$$

- HS về nhà làm các bài tập h- ớng dẫn luyện tập thêm và chuẩn bị bài sau

Tuần 9.

Thứ ba ngày 09 tháng 10 năm 20....

Ngày soạn: 01.10.20.....

Toán

Tiết 42 : **Viết các số đo khối lượng dưới dạng số thập phân**I. Mục tiêu: Giúp HS :

- Biết viết số đo khối l- ượng d- ưới dạng số thập phân.
- Làm bài tập 1, 2a,3 trang 45 SGK

II. Chuẩn bị:

- Bảng đơn vị đo khối l- ượng kẻ sẵn, để trống một số ô bên trong.

III. Các hoạt động dạy - học

Hoạt động GV			Hoạt động HS			
<p>A. Kiểm tra bài cũ :</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS lên bảng làm các bài tập hướng dẫn luyện tập thêm của tiết học trước. - GV đánh giá ghi điểm. <p>B. Bài mới :</p> <p>* Giới thiệu bài : Thông qua bài cũ</p> <p>* Hoạt động 1: Ôn tập về các đơn vị đo khối l- ượng.</p> <p>a) Ôn bảng đơn vị đo khối l- ượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV Yêu cầu HS kể tên các đơn vị đo khối l- ượng theo thứ tự từ bé đến lớn. - GV gọi 1 HS lên bảng viết các đơn vị đo khối l- ượng vào bảng các đơn vị đo đã kẻ sẵn 			<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp theo dõi và nhận xét. - HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học - 1 HS kể trước lớp. HS cả lớp theo dõi và bổ sung ý kiến - HS viết để hoàn thành bảng đơn vị đo nh- SGK 			
Lớn hơn ki-lô-gam			Ki-lô-gam	Nhỏ hơn ki-lô-gam		
Tấn	Tạ	Yến	Kg	Hg	Dag	g
<p>b. Ôn q uan hệ giữa các đơn vị đo liên kê.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu : Em hãy nêu mối quan hệ giữa ki-lô-gam và hé-tô-gam, giữa ki-lô-gam và yến. - GV viết lên mối quan hệ trên vào cột ki-lô-gam. - GV hỏi và viết tiếp tới các đơn vị đo khác, hoàn thành bảng đơn vị đo khối l- ượng nh- phần đồ dùng dạy học. - GV hỏi tổng quát : Em hãy nêu mối quan hệ giữa hai đơn vị đo khối l- ượng liên kê nhau? 			<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu : $1\text{kg} = 10\text{hg} = \frac{1}{10}\text{yến}$ - Lần l- ợt nhắc để GV ghi bảng - HS nêu : <ul style="list-style-type: none"> * Mỗi đơn vị đo khối l- ượng gấp 10 lần đơn vị bé hơn tiếp liền kê nó. * Mỗi đơn vị đo khối l- ượng bằng $\frac{1}{10}$ 			

c) Ôn quan hệ giữa các đơn vị đo thông dụng.

- GV Yêu cầu HS nêu mối quan hệ giữa tấn với tạ, giữa tấn với ki-lô-gam, giữa tạ với ki-lô-gam.

***Hoạt động 2): Viết các số đo khối lượng**

d- ới dạng số thập phân

- GV nêu ví dụ : Tìm số thập phân thích hợp điền vào chỗ chấm.

$$5\text{ tấn } 132\text{kg} = \dots \text{ tấn}$$

- GV Yêu cầu HS thảo luận để tìm số thập phân thích hợp điền vào chỗ trống.

- GV nhận xét cách làm mà HS đưa ra, nếu HS làm đúng như SGK

*** Hoạt động 3: Luyện tập, thực hành.**

Bài 1 : Củng cố cách chuyển đổi đơn vị đo khối lượng d- ới dạng STP

- GV Yêu cầu HS đọc đề bài và tự làm bài.

- GV chữa bài và KL cách làm của HS :
Viết d- ới dạng hỗn số rồi viết d- ới dạng STP.

Bài 2 : Củng cố cách chuyển đổi đơn vị đo khối lượng d- ới dạng STP

- GV gọi HS đọc đề bài

- GV Yêu cầu HS làm bài.

- GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng.

- GV kết luận như cách làm của BT 1

Bài 3 : Giải toán có liên quan

(0,1) đơn vị lớn hơn tiếp liền kề nó.

- HS nêu :

$$1 \text{ tấn} = 10 \text{ tạ} ; 1 \text{ tạ} = \frac{1}{10} \text{ tấn} = 0,1 \text{ tấn}$$

$$1 \text{ kg} = \frac{1}{1000} \text{ tấn} = 0,001 \text{ tấn} \dots$$

- HS nghe Yêu cầu của ví dụ.

- HS thảo luận, sau đó một số HS trình bày cách làm của mình trước lớp, HS cả lớp theo dõi và nhận xét.

- HS cả lớp thống nhất cách làm :

$$5\text{ tấn } 132\text{kg} = 5 \frac{132}{1000} \text{ tấn} = 5,132\text{ tấn}$$

$$\text{Vậy } 5\text{ tấn } 132\text{kg} = 5,132\text{ tấn.}$$

* HS làm BT 1,2,3 trang 45- 46

- 2 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào VBT.

$$\text{a) } 4\text{ tấn } 562\text{kg} = 4 \frac{562}{1000} \text{ tấn} = 4,562\text{ tấn}$$

$$\text{b) } 3\text{ tấn } 14\text{kg} = 3 \frac{14}{1000} \text{ tấn} = 3,014\text{ tấn}$$

- HS đọc đề bài trước lớp.

- 2 HS lên bảng làm bài, mỗi HS làm 1 phần, cả lớp làm bài vào VBT.

$$\text{a) } 2\text{kg } 50\text{g} = 2 \frac{50}{1000} \text{ kg}$$

$$45\text{kg } 23\text{g} = 45 \frac{23}{1000} \text{ kg} = 45,023\text{kg}$$

$$500\text{g} = \frac{500}{1000} \text{ kg} = 0,5\text{kg}$$

- 1 HS nhận xét bài làm của bạn, HS cả lớp theo dõi và bổ sung ý kiến.

- 1 HS đọc đề bài trước lớp.

- 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào

<ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc đề bài - GV yêu cầu HS tự làm bài. - GV chữa bài và cho điểm HS làm bài trên bảng. <p>C. <u>Củng cố dẫn dò</u> :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học 	<p>VBT.</p> <p>Đáp số : 1,62 tấn</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS theo dõi bài chữa của GV và tự kiểm tra bài của mình - HS về nhà làm các bài tập hướng dẫn luyện tập thêm và chuẩn bị bài sau
---	---

Tuần 9. Thứ tư ngày 10 tháng 10 năm 20....

Ngày soạn: 01.10.20.....

Toán

Tiết 43 : Viết các số đo diện tích dưới dạng số thập phân

I. Mục tiêu: Giúp HS:

- Biết viết số đo diện tích dưới dạng số thập phân.
- Làm bài tập 1, 2 Trang 46 SGK(Bài 3 học sinh làm trong thời gian còn lại hoặc nêu miệng)

II. Chuẩn bị :

- Bảng mét vuông (có chia ra ô decimet vuông).

III. Các hoạt động dạy – học:

HD của GV	HD của HS
<p>A. <u>Kiểm tra bài cũ</u> :</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS lên bảng làm BT 1,2 VBT tiết học trước. - GV đánh giá ghi điểm. <p>B. <u>Bài mới</u> :</p> <p>* Giới thiệu bài : Thông qua bài cũ</p> <p>* <u>Hoạt động 1: Ôn tập về các đơn vị đo diện tích</u></p> <p>a) <u>Bảng đơn vị đo diện tích:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS kể tên các đơn vị đo diện tích theo thứ tự từ lớn đến bé. - GV gọi HS lên bảng viết các số đo diện tích vào bảng đơn vị đã kẻ sẵn. <p>b) <u>Ôn quan hệ giữa các đơn vị đo liên kế:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV Y/ câu : Hãy nêu mối quan hệ giữa mét vuông với đề- xi- mét vuông và mét vuông với đề- ca- mét- vuông. - GV KL và viết : $1m^2 = 100dm^2 = \frac{1}{100} dam^2$ 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp theo dõi và nhận xét. - HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học - 1 HS nêu trước lớp, HS cả lớp theo dõi và bổ sung ý kiến - 1 HS lên bảng viết, HS cả lớp theo dõi và bổ sung ý kiến để có bảng như SGK : - HS nêu miệng : $1m^2 = 100dm^2 = \frac{1}{100} dam^2$ - Nhận xét.

vào cột métvuông

- GV tiến hành t- ong tự với các đơn vị đo diện tích còn lại
- GV hỏi tổng quát : Em hãy nêu mối quan hệ giữa hai đơn vị đo diện tích liền kề.

C) Ôn quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích thông dụng

- GV Ycầu : HS nêu mối quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích km^2 , ha với m^2 và quan hệ giữa km^2 và ha

*** Hoạt động 2 : Hình thành kỹ năng viết các số đo diện tích d- ới dạng STP**

a) Ví dụ 1 :

- GV nêu ví dụ : Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm: $3m^2 5dm^2 = \dots m^2$
- GV Ycầu HS thảo luận để tìm số thập phân thích hợp điền vào chỗ trống
- GV gọi 1 số HS phát biểu ý kiến và giải thích rõ cách làm.

b) Ví dụ 2 :

- GV tổ chức cho HS cả lớp làm ví dụ 2 t- ong tự nh- ví dụ 1.

***Hoạt động 3 : Luyện tập - Thực hành(Bài 1, 2 trang 46 SGK)**

Bài 1 : Củng cố cho HS cách chuyển đổi ĐV đo diện tích từ lớn đến bé; số đo có hai tên đơn vị thành số đo có một tên ĐV

- GV Ycầu HS đọc đề bài và tự làm bài.
- Giúp HS tìm cách làm đúng:
 - + B- ớc 1: Viết số đo d- ới dạng P/S hoặc hỗn số
 - + B- ớc 2: Viết phân số hoặc hỗn số d- ới dạng STP

- GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn.
- GV nhận xét và cho điểm HS.

Bài 2 : Củng cố mối quan hệ giữa mét vuông- hec ta và ha- km^2

- GV gọi HS đọc Ycầu bài.

- Lần l- ợt nêu để hoàn thành bảng ĐV đo

- HS nêu : **Mỗi đơn vị đo diện tích gấp 100 lần đơn vị đo bé hơn liền kề nó**

Mỗi đơn vị đo diện tích bằng $\frac{1}{100}$ (0,01) đơn vị lớn hơn liền kề nó

- 1 HS lần l- ợt nêu tr- ớc lớp :

$$1km^2 = 1\ 000\ 000m^2$$

$$1ha = 10\ 000m^2$$

$$1km^2 = 100ha$$

$$1ha = \frac{1}{100}km^2 = 0,01km^2$$

- HS nghe Ycầu của ví dụ.

- HS thảo luận theo cặp

- HS cả lớp cùng trao đổi, bổ sung ý kiến cho nhau và thống nhất cách làm;

$$3m^2 5dm^2 = \dots m^2; 3m^2 5dm^2 = 3\frac{5}{100}m^2 = 3,05m^2$$

$$\text{vậy } 3m^2 5dm^2 = 3,05m^2$$

- HS thảo luận và thống nhất cách làm.

$$42dm^2 = \frac{42}{100}m^2 = 0,42m^2$$

$$\text{vậy } 42dm^2 = 0,42m^2$$

* Bài 1, 2 trang 46 SGK

- HS đọc thầm đề bài trong SGK, sau đó 2 HS lên bảng làm bài tập, HS cả lớp làm bài vào vở.

$$a) 56dm^2 = \frac{56}{100}m^2 = 0,56m^2$$

$$b) 17dm^2 23cm^2 = 17\frac{23}{100}dm^2 = 17,23dm^2\dots$$

<ul style="list-style-type: none">- GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn- GV nhận xét và KL cách làm đúng <p>C) <u>Củng cố dẫn dò</u> :</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhận xét tiết học	<ul style="list-style-type: none">- 2 HS nêu miệng .- 2 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm vào vở <p>a) $1654\text{m}^2 = \frac{1654}{10000}\text{ha} = 0,1654\text{ha}...$</p> <ul style="list-style-type: none">- 1 HS nhận xét bài làm của bạn. HS cả lớp đổi chéo vở để kiểm tra bài của nhau. <ul style="list-style-type: none">- HS về nhà làm các bài tập hướng dẫn luyện tập thêm và chuẩn bị bài sau
---	---

Tuần 9.

Thứ năm ngày 11 tháng 10 năm 20....

Ngày soạn: 01.10.20.....

Toán

Tiết 44 :

Luyện tập chung

I. Mục tiêu Giúp HS :

- Biết viết số đo độ dài, diện tích, khối l- ượng d- ới dạng số thập phân
- Bài tập 1, 2, 3 trang 47 SGK)

II. Chuẩn bị : Bảng nhómIII. Các hoạt động dạy – học :

HD GV	HD HS
<p>A. Kiểm tra bài cũ :</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS lên bảng làm các bài tập hướng dẫn luyện tập thêm của tiết học trước. - GV đánh giá ghi điểm. <p>B. Bài mới :</p> <p>1. Giới thiệu bài : Trực tiếp</p> <p>2. Luyện tập : Bài 1, 2, 3 trang 47 SGK</p> <p>Bài 1: Củng cố cách viết số đo có hai tên đơn vị thành số đo có một tên đơn vị từ bé đến lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc đề bài - Gọi HS nêu Y/C - GV gọi HS nêu lại MQH giữa các đơn vị đo diện tích liền kề - GV Yêu cầu HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa bài của bạn trên bảng. - GV nhận xét và cho điểm HS. <p>Bài 2 : Củng cố cách viết số đo khối l- ượng trong mối quan hệ giữa g- kg; tấn- kg</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc đề bài - Gọi HS nêu Y/C - GV gọi HS nêu lại MQH giữa các đơn vị đo khối l- ượng liền kề - GV Yêu cầu HS làm bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp theo dõi và nhận xét. - Nghe để xác định mục tiêu của bài <p>* Hoạt động nhóm, cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 HS đọc . - 1 HS nêu Y/C - HS nêu lại và cho VD minh hoạ - 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở. - Nhận xét chốt KQ đúng: a) 42,34m; b) 56,29m; c) 6,02 ; d) 4,352km - 1 HS chữa bài của bạn , cả lớp theo dõi và tự kiểm tra lại bài của mình. - 2 HS đọc . - 1 HS nêu Y/C - HS nêu lại và cho VD minh hoạ - 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở. - Nhận xét chốt KQ đúng:

<p>- GV nhận xét và cho điểm HS.</p> <p>Bài 3: Củng cố cách chuyển đơn vị đo diện tích lớn hơn mét vuông thành mét vuông và bé hơn mét vuông thành mét vuông</p> <p>- GV gọi HS nêu Yêu cầu của bài</p> <p>- GV Yêu cầu HS nêu mối quan hệ giữa ki-lô-mét-vuông.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài.</p> <p>- Giúp HS chốt lại cách làm đúng:</p> <p>+ Dạng 1: Đổi từ ĐV lớn đến bé nhân số đó với 10, 100,...</p> <p>+ Dạng 2: Đổi từ đơn vị bé đến lớn: Viết d- ới dạng PTTP hoặc hỗn số rồi đổi.</p> <p>- GV nhận xét và cho điểm HS.</p> <p>C. Củng cố - Dẫn dò:</p> <p>- Nhận xét tiết học</p>	<p>a) = 0,5kg (0,500kg); b) = 0,374kg c) = 1500kg</p> <p>- 1 HS nêu Yêu cầu</p> <p>- HS lần 1- ợt nêu :</p> <p>$1km^2 = 1\ 000\ 000m^2$ $1ha = 10\ 000m^2$ $1m^2 = 100dm^2$</p> <p>$1dm^2 = \frac{1}{100}m^2$ (hay $0,01m^2$)</p> <p>- 1 HS lên bảng làm bài. HS cả lớp làm vào vở.</p> <p>- Nhận xét chốt KQ đúng</p> <p>$7km^2 = 7\ 000\ 000m^2$ $8,5ha = 8 \frac{5000}{10000}ha = 85\ 000m^2$ $30dm^2 = \frac{30}{100}m^2 = 0,3m^2$ (hay $0,30m^2$)</p> <p>- HS cả lớp theo dõi, bổ sung ý kiến và tự kiểm tra lại bài của mình.</p> <p>- HS về nhà làm các bài tập h- ớng dẫn luyện tập thêm và chuẩn bị bài sau</p>
---	--

Tuần 9.

Thứ sáu ngày 12 tháng 10 năm 20....

Ngày soạn: 01.10.20.....

Toán

Luyện tập chung

Tiết 45 :

I. Mục tiêu: Giúp HS .

- Củng cố viết số đo độ dài, khối l- ợng và diện tích d- ới dạng số thập phân theo các đơn vị đo khác nhau.

- Luyện giải toán.

II. Chuẩn bị :

- Ôn lại các kiến thức có liên quan.

III. Các hoạt động dạy – học :

HĐ GV	HĐ HS
A. Kiểm tra bài cũ :	

<p>- GV gọi HS lên bảng làm các bài tập hướng dẫn luyện tập thêm của tiết học trước.</p> <p>- GV đánh giá ghi điểm.</p> <p>B. Bài mới :</p> <p>* Giới thiệu bài : Trực tiếp</p> <p>* Luyện tập: Bài 1, 3, trang 48</p> <p>Bài 1 : Củng cố cách viết số đo độ dài d- ới dạng STP và mối quan hệ giữa dm- m- cm</p> <p>- GV gọi HS đọc đề bài</p> <p>- Gọi HS nêu Y/C</p> <p>- GV gọi HS nêu lại MQH giữa các đơn vị đo</p> <p>- GV Yêu cầu HS làm bài.</p> <p>- GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng, sau đó chữa bài và cho điểm HS.</p>	<p>- 2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp theo dõi và nhận xét.</p> <p>- HS nghe để xác định nhiệm vụ của tiết học</p> <p>- 2 HS nêu</p> <p>- 1 HS nêu : ...viết các số đo độ dài d- ới dạng số thập phân có đơn vị là mét.</p> <p>- 1 HS nêu</p> <p>- 1 HS lên bảng làm bài. HS cả lớp làm vào vở.</p> <p>- Nhận xét và thống KQ:</p> <p>a) 3,6m; b) 0,4m; c) 34,05m; d) 3,45m</p> <p>- HS cả lớp theo dõi và tự kiểm tra bài mình.</p>
<p>- GV gọi HS chữa bài tập của bạn trên bảng, sau đó nhận xét và cho điểm HS</p> <p>Bài 3: Củng cố cách viết số đo độ dài, đo KL d- ới dạng STP; mối quan hệ giữa dm- cm- m và giữa kg- g</p> <p>- GV Yêu cầu HS đọc đề bài và tự làm bài</p> <p>- Giúp đỡ HS yếu</p> <p>- GV nhận xét và cho điểm HS.</p> <p>C. Củng cố - Dẫn dò :</p> <p>- Nhận xét tiết học</p> <p>- Dặn HS chuẩn bị tiết sau</p>	<p>- 1 HS chữa bài của bạn.</p> <p>- HS cả lớp đổi chéo vở để kiểm tra bài lẫn nhau.</p> <p>- HS cả lớp làm bài vào vở, sau đó 1 HS đọc bài làm trước lớp để chữa bài, HS cả lớp theo dõi và nhận xét.</p> <p>- Thống nhất KQ đúng:</p> <p>42,4dm; 56,9mm; 26,02m</p> <p>- HS về nhà làm các bài tập hướng dẫn luyện tập thêm và chuẩn bị bài sau</p>